

KẾ HOẠCH

**Tổ chức Hội nghị sơ kết 01 năm triển khai thực hiện
Kế hoạch số 586/KH-UBND ngày 22/8/2022 của UBND tỉnh
về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025**

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 05/8/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tổ chức Hội nghị sơ kết 01 năm triển khai Kế hoạch số 586/KH-UBND ngày 22/8/2022 của UBND tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 586/KH-UBND) với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Đánh giá kết quả, hiệu quả và tác động qua 01 năm triển khai Kế hoạch số 586/KH-UBND.

b) Xác định những hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân, từ đó đề xuất, kiến nghị các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, thiết thực, sáng tạo, đột phá để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn và đạt hiệu quả cao.

c) Tiếp tục nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cấp ủy đảng, chính quyền trong lãnh đạo, chỉ đạo, vai trò tham mưu tổ chức, thực hiện của các cấp, các ngành, địa phương để triển khai thực hiện Kế hoạch số 586/KH-UBND góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Yêu cầu

a) Bám sát các nội dung của Kế hoạch số 586/KH-UBND để đánh giá nghiêm túc, khách quan, đầy đủ kết quả đạt được, hạn chế, vướng mắc, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm rút ra trong quá trình thực hiện.

b) Việc sơ kết 01 năm thực hiện Kế hoạch số 586/KH-UBND phải bảo đảm nghiêm túc, thiết thực, hiệu quả, bám sát tình hình thực tế, nhìn nhận khách quan những hạn chế, yếu kém trong 01 năm triển khai thực hiện; các sở, ban, ngành, địa phương triển khai thực hiện đúng trọng tâm, trọng điểm, sát với thực tiễn, đánh giá cụ thể trong từng ngành, lĩnh vực; đề xuất nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để đạt mục tiêu chuyển đổi số tỉnh Nghệ An đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

II. NỘI DUNG, HÌNH THỨC SƠ KẾT

1. Nội dung sơ kết

Đánh giá sơ kết 01 năm (từ tháng 8/2022 đến nay) kết quả thực hiện Kế hoạch số 586/KH-UBND, gồm các nội dung:

a) Đánh giá công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai học tập, quán triệt Nghị quyết số 09-NQ/TU và Kế hoạch số 586/KH-UBND.

b) Đánh giá kết quả triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch số 586/KH-UBND; chương trình, kế hoạch của các sở, ban, ngành, địa phương cụ thể hóa thực hiện Kế hoạch số 586/KH-UBND.

c) Làm rõ những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và đề xuất, kiến nghị các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 586/KH-UBND có hiệu quả.

(Đề cương và các phụ lục báo cáo chi tiết kèm theo)

2. Hình thức sơ kết

a) Đối với các sở, ban, ngành, UBND các cấp căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương, đơn vị để lựa chọn hình thức phù hợp để tổ chức đánh giá kết quả sơ kết 01 năm triển khai Kế hoạch số 586/KH-UBND, hoàn thành trước ngày 15/8/2023; báo cáo gửi về UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) trước ngày 20/8/2023.

b) Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Nghệ An (Sở Thông tin và Truyền thông) phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức làm việc với các địa phương, đơn vị để khảo sát, kiểm tra, đánh giá kết quả sơ kết 01 năm triển khai Kế hoạch số 586/KH-UBND và tổng hợp báo cáo phục vụ Hội nghị.

c) UBND tỉnh tổ chức Hội nghị sơ kết 01 năm triển khai thực hiện Kế hoạch số 586/KH-UBND, cụ thể:

- Thời gian: Dự kiến vào tháng 9 năm 2023 (sẽ có giấy mời sau).
- Địa điểm: Khách sạn Giao tế - Số 09, đường Hồ Tùng Mậu, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
- Chủ trì: Lãnh đạo UBND tỉnh.
- Thành phần (dự kiến 200 khách mời):
 - + Các thành viên Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh.
 - + Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh.
 - + Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND cấp huyện phụ trách lĩnh vực Chuyển đổi số.
 - + Trưởng phòng Văn hóa thông tin UBND cấp huyện.
 - + Cán bộ chuyên trách, phụ trách công nghệ thông tin của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã.
 - + Lãnh đạo các phòng, đơn vị thuộc Sở Thông tin và Truyền thông.

+ Phóng viên Báo Nghệ An; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Cổng thông tin điện tử tỉnh.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì dự thảo báo cáo sơ kết 01 năm thực hiện Kế hoạch số 586/KH-UBND.
- Chuẩn bị báo cáo tóm tắt trình bày tại Hội nghị; dự thảo nội dung điều hành thảo luận và nội dung phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị; chuẩn bị chu đáo các tài liệu và điều kiện khác liên quan phục vụ Hội nghị.
- Lựa chọn và hướng dẫn một số đơn vị chuẩn bị báo cáo tham luận tại Hội nghị.
- Xây dựng phóng sự (khoảng 12-15 phút) phát trực tiếp tại Hội nghị, tuyên truyền trên sóng NTV và các nền tảng truyền thông khác.
- Chủ trì tham mưu tổ chức công tác tuyên truyền về chuyển đổi số tỉnh Nghệ An trước, trong và sau Hội nghị.
- Chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và các cơ quan thông tin cấp huyện, cấp xã có kế hoạch tuyên truyền, đưa tin việc sơ kết 01 năm triển khai thực hiện Kế hoạch số 586/KH-UBND; tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến những nội dung cơ bản của Kế hoạch số 586/KH-UBND và những kết quả đạt được trong quá trình triển khai thực hiện đến người dân với nhiều hình thức đa dạng, phù hợp.
- Trên cơ sở đề xuất của các Sở, ban, ngành, Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì tổng hợp gửi Sở Tài chính thẩm định kinh phí thực hiện Kế hoạch đảm bảo theo đúng quy định.

2. Văn phòng UBND tỉnh

- Tham mưu và ban hành giấy mời đại biểu tham dự Hội nghị.
- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tổ chức Hội nghị.

3. Sở Tài chính

Căn cứ dự toán kinh phí do Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, Sở Tài chính thực hiện rà soát, thẩm định và tham mưu UBND tỉnh xem xét, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.

4. Báo Nghệ An, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh

Tuyên truyền, đưa tin việc sơ kết 01 năm triển khai thực hiện Kế hoạch số 586/KH-UBND; tiếp tục phổ biến những nội dung cơ bản của Kế hoạch số

586/KH-UBND và những kết quả đạt được trong quá trình triển khai thực hiện đến người dân với nhiều hình thức đa dạng, phù hợp.

5. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố, thị xã

Tổ chức đánh giá kết quả sơ kết 01 năm triển khai Kế hoạch số 586/KH-UBND ở cấp mình. Tổng hợp báo cáo (theo đề cương gửi kèm) gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp.

Trên đây là Kế hoạch tổ chức Hội nghị sơ kết 01 năm triển khai thực hiện Kế hoạch số 586/KH-UBND; UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo thiết thực, hiệu quả./. *h*

Nơi nhận: *✓*

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- Chủ tịch, PCT VX UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành, thị;
- Báo NA, Đài PT-TH, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH (T).

h

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Bùi Đình Long

**Phụ lục 01: ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO DÀNH CHO CÁC SỞ, BAN, NGÀNH
CẤP TỈNH VÀ UBND CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Kế hoạch số: 403 /KH-UBND ngày 15/6/2023 của UBND tỉnh)

Lưu ý: Các số liệu báo cáo tính từ tháng 8 năm 2022 đến nay.

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ KẾ HOẠCH SỐ 586/KH-UBND

Yêu cầu đánh giá cụ thể, đi thẳng vào nhiệm vụ, giải pháp đã nêu tại Kế hoạch số 586/KH-UBND và nhiệm vụ, giải pháp các đơn vị đã đề ra, kết quả đánh giá cần cụ thể hóa bằng các số liệu, trường hợp điển hình và phân tích rõ những tồn tại, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất cụ thể những kiến nghị, giải pháp khắc phục trong thời gian tới. Nội dung đánh giá bố cục theo các nội dung sau:

I. KẾT QUẢ TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

Nội dung này đánh giá kết quả tổ chức thực hiện nhiệm vụ của các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố theo Kế hoạch số 586/KH-UBND.

II. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THEO KẾ HOẠCH SỐ 586/KH-UBND

1. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền; công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

2. Phát triển hạ tầng số

- Tình hình triển khai phát triển hạ tầng kỹ thuật số tại đơn vị, địa phương đảm bảo kết nối liên thông, xuyên suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã. Kết quả tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của các ban, sở, ngành, địa phương; Kết quả triển khai chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây. Tình hình, kết quả triển khai cập nhật, liên thông các cơ sở dữ liệu quốc gia theo lộ trình triển khai của các bộ, ngành và Chính phủ; Kết quả ứng dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương.

- Tình hình triển khai hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh.

- Tình hình triển khai chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình xử lý hồ sơ, biểu mẫu, chế độ báo cáo trên môi trường điện tử; thực hiện số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

3. Phát triển nhân lực chuyển đổi số

- Kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương;

- Kết quả đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho đội ngũ cán bộ chuyên trách/phụ trách công nghệ thông tin tại đơn vị, địa phương.

- Kết quả việc đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng sử dụng công nghệ số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động các cơ quan, đơn vị.

- **Riêng Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động thương binh và Xã hội** báo cáo nội dung kết quả triển khai nhiệm vụ nâng cao năng lực, chất lượng đào tạo công nghệ thông tin trong các cấp giáo dục phổ thông và cơ sở đào tạo nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- **Sở Nội vụ** báo cáo tình hình triển khai các cơ chế, chính sách thu hút các chuyên gia công nghệ số, nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao làm việc trong các cơ quan của hệ thống chính trị.

- **UBND cấp huyện** báo cáo tình hình, kết quả triển khai thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã và cấp thôn, bản (số lượng tổ công nghệ số được thành lập các cấp, tỷ lệ xã triển khai thành lập, hoạt động của tổ công nghệ số cộng đồng trong thời gian qua).

4. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội các cấp

- Kết quả triển khai các nhiệm vụ theo các Kế hoạch số 586/KH-UBND.

- Sở Thông tin và Truyền thông, UBND các địa phương: Thành phố Vinh, Thị xã Cửa Lò, Thị xã Hoàng Mai báo cáo kết quả hoàn thiện, nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm điều hành thông minh.

5. Phát triển kinh tế số

- **Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giao thông vận tải** báo cáo tình hình, kết quả triển khai xây dựng nền tảng dữ liệu số quản lý ngành nông nghiệp, ứng dụng các mô hình sản xuất nông nghiệp thông minh, phát triển mạng lưới logistics gắn với thương mại điện tử và chuỗi sản xuất các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- **Sở Xây dựng** báo cáo tình hình, kết quả triển khai ứng dụng công nghệ số trong quy hoạch và quản lý phát triển đô thị; thực hiện quy hoạch, phát triển hạ tầng đô thị theo định hướng phát triển đô thị thông minh;

- **Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Thông tin và Truyền thông, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn** báo cáo về tình hình tham mưu ban hành, triển khai cơ chế, chính sách khuyến khích, hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số, khai thác các dịch vụ số, tiện ích số để giải quyết thủ tục hành chính, tham gia thương mại điện tử, tiếp cận với các mô hình, kỹ thuật sản xuất trên môi trường số.

- **Sở Thông tin và Truyền thông** báo cáo tình hình, kết quả triển khai nhiệm vụ thu hẹp khoảng cách số giữa đô thị với nông thôn, phát triển kỹ năng số và điều kiện tiếp cận dịch vụ số cho người dân vùng nông thôn (vùng biên, miền núi và các địa bàn khó khăn); hỗ trợ người dân vùng khó khăn và dân tộc thiểu số tiếp cận công nghệ số;

- **Sở Văn hóa và Thể thao** báo cáo tình hình, kết quả triển khai nhiệm vụ phát triển các sản phẩm văn hóa của Nghệ An trên nền tảng công nghệ số, phục vụ rộng rãi người dân trong và ngoài tỉnh.

- Các sở, ban, ngành, địa phương báo cáo kết quả huy động và sử dụng các nguồn lực xã hội hóa đầu tư phát triển công nghệ số và kinh tế số tại lĩnh vực, địa phương mình phụ trách.

6. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng

- **Sở Thông tin và Truyền thông** báo cáo tình hình tham mưu, hoàn chỉnh các quy định, quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng theo mô hình “4 lớp” thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh; hoàn thiện hệ thống hạ tầng thông tin theo nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng để cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, người dân được bảo vệ an toàn thông tin và dữ liệu riêng tư, tham gia bình đẳng vào quá trình chuyển đổi số; công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao nhận thức tự bảo vệ trên môi trường số.

7. Kết quả triển khai các lĩnh vực ưu tiên

- Các ban, sở, ngành, cơ quan, địa phương báo cáo kết quả chỉ đạo xây dựng kế hoạch, lựa chọn lĩnh vực ưu tiên, bố trí nguồn lực để triển khai thực hiện chuyển đổi số ở đơn vị, địa phương.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số ngành Giáo dục và đào tạo, triển khai nền tảng phục vụ dạy và học trực tuyến: **Sở Giáo dục và đào tạo** báo cáo tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ: Xây dựng cơ sở dữ liệu của ngành giáo dục và đào tạo để kết nối dữ liệu từ các cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh; triển khai nền tảng phục vụ dạy và học trực tuyến; ứng dụng các nền tảng công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập hình thành các mô hình giáo dục thông minh trong hệ thống giáo dục của tỉnh; số hóa tài liệu, giáo trình, bài giảng nhằm phát triển hệ thống học liệu cung cấp trực tuyến phục vụ miễn phí cho giáo viên và học sinh trong toàn tỉnh; phát triển hệ thống đào tạo trực tuyến trong giáo dục nghề nghiệp.

- Chuyển đổi số ngành y tế: **Sở Y tế** báo cáo tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ:

+ Triển khai công tác khám chữa bệnh và thanh toán BHYT tại các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn; công tác thanh toán điện tử không dùng tiền mặt; đăng ký khám bệnh trực tuyến, tiếp đón người bệnh bằng thẻ CCCD gắn chip hoặc qua ứng dụng VNeID, VssID.

+ Triển khai phần mềm dùng chung tại Trạm Y tế xã, phường, thị trấn; Phần mềm quản lý Hồ sơ sức khỏe điện tử.

+ Triển khai Bệnh án điện tử tại các cơ sở khám chữa bệnh trong và ngoài công lập triển khai bệnh án điện tử theo Thông tư 46/2018/TT-BYT ngày 28/12/2018 của Bộ Y tế).

- Xây dựng cơ sở dữ liệu số về tài nguyên và môi trường: **Sở Tài nguyên và Môi trường** báo cáo tình hình, kết quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ: Xây dựng cơ sở dữ liệu số về tài nguyên và môi trường của tỉnh, hình thành và chia sẻ dữ liệu bản đồ số dùng chung của tỉnh phục vụ hoạt động quản lý và cung cấp dịch vụ số của chính quyền các cấp; ứng dụng các nền tảng công nghệ số, các giải pháp kỹ thuật hiện đại trong quan trắc, giám sát, xử lý các vấn đề về tài nguyên và môi trường.

- Triển khai ứng dụng nền tảng du lịch thông minh: **Sở Du lịch** báo cáo tình hình, kết quả triển khai ứng dụng nền tảng du lịch thông minh, số hoá hệ thống dữ liệu về du lịch.

- Triển khai ứng dụng nền tảng số trong lĩnh vực văn hóa, thể thao: **Sở Văn hóa và Thể thao** báo cáo tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ: Triển khai ứng dụng nền tảng công nghệ số trong quản lý các di tích lịch sử, di sản văn hoá vật thể và phi vật thể, quản lý nghệ thuật biểu diễn, quản lý đào tạo huấn luyện thể thao thành tích cao, bảo tàng số, thư viện điện tử; cung cấp dịch vụ bảo tàng số, thư viện số.

- Xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: **Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn** báo cáo tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ: Xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; nâng cấp, hoàn thiện, triển khai mới các nền tảng công nghệ số phục vụ công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực thuộc ngành như: Quản lý hồ chứa, công trình thủy lợi, nước sạch nông thôn, đê điều, phòng chống lụt bão; quản lý sản xuất và phòng chống dịch bệnh, sâu bệnh trên cây trồng, vật nuôi; giám sát, quản lý bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng; quản lý, giám sát khai thác và nuôi trồng thủy sản; quản lý hợp tác xã nông nghiệp; quản lý bố trí dân cư các vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới và di cư tự do; quản lý làng nghề, ngành nghề nông thôn; ứng dụng các nền tảng công nghệ số phục vụ quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm minh bạch, chính xác, an toàn vệ sinh thực phẩm, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh cho sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

- Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số quản lý ngành Giao thông vận tải: **Sở Giao thông vận tải** báo cáo tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ: Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số quản lý ngành Giao thông vận tải và triển khai các giải pháp về giám sát, quản lý giao thông thông minh.

- Chuyển đổi số trong hoạt động phát điện, truyền tải, phân phối và bán điện: **Điện lực Nghệ An** báo cáo tình hình, kết quả triển khai các nhiệm vụ: Chuyển đổi số trong hoạt động phát điện, truyền tải, phân phối và bán điện nhằm đảm bảo các tiêu chuẩn kỹ thuật hiện hành, hướng đến tự động hóa công tác giám sát, quản lý, vận hành, bảo đảm an toàn, kinh doanh điện năng và cung cấp dịch vụ điện thông minh, nâng cao hiệu quả hoạt động điện lực trên địa bàn.

- **Công an tỉnh Nghệ An** báo cáo tình hình, kết quả triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

III. NHỮNG VƯỚNG MẮC, TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

Nêu rõ những tồn tại, vướng mắc, nguyên nhân trong quá trình triển khai Kế hoạch số 586/KH-UBND.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề xuất, kiến nghị cụ thể để khắc phục các hạn chế, vướng mắc.

B. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

Căn cứ nội dung, yêu cầu tại Kế hoạch số 586/KH-UBND, căn cứ kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong 01 năm qua, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số trong thời gian tới phù hợp, hướng tới thực hiện thành công Kế hoạch chuyển đổi số đến năm 2025 của cơ quan, đơn vị; thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đã giao.

**Phụ lục 02: BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
CÁC NHIỆM VỤ CHUNG ĐƯỢC GIAO KẾ HOẠCH SỐ 586/KH-UBND**

(Kèm theo Kế hoạch số: 403/KH-UBND ngày 13/6/2023 của UBND tỉnh)

Stt	Nội dung công việc	Kết quả thực hiện từ tháng 8 năm 2022 đến nay	Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân	Đề xuất phương hướng khắc phục	Ghi chú <i>(Đề nghị cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo đầy đủ các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 586/KH-UBND)</i>
1	Nhiệm vụ.....				
2	Nhiệm vụ....				
3	Nhiệm vụ.....				
4	Nhiệm vụ.....				

**Phụ lục 03: BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ ĐƯỢC GIAO KẾ HOẠCH SỐ 586/KH-UBND**

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày /6/2023 của UBND tỉnh)

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị được giao chủ trì triển khai	Kết quả thực hiện từ tháng 8 năm 2022 đến nay	Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân	Đề xuất phương hướng khắc phục
I	Chính quyền số				
1	Duy trì, cập nhật Kiến trúc CQĐT tỉnh Nghệ An	Sở TT&TT			
2	Thuê phần mềm Quản lý văn bản và điều hành	Sở TT&TT			
3	Duy trì, nâng cấp hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Nghệ An	Văn phòng UBND tỉnh (Cổng TTĐT tỉnh)			
4	Thuê mạng truyền số liệu chuyên dùng	Sở TT&TT			
5	Xây dựng hệ thống thông tin nguồn	Sở TT&TT			
6	Nâng cấp Cổng thông tin điện tử tỉnh Nghệ An	Văn phòng UBND tỉnh (Cổng TTĐT tỉnh)			
7	Nâng cấp Hệ thống thư công vụ của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh (Cổng TTĐT tỉnh)			
8	Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh kết nối với bộ, ngành, trung ương.	Văn phòng UBND tỉnh (Cổng TTĐT tỉnh)			

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị được giao chủ trì triển khai	Kết quả thực hiện từ tháng 8 năm 2022 đến nay	Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân	Đề xuất phương hướng khắc phục
9	Duy trì và nâng cấp thiết bị Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh Nghệ An	Sở TT&TT			
10	Thuê dịch vụ CNTT: Công thông tin du lịch và ứng dụng du lịch thông minh tỉnh Nghệ An trên thiết bị di động, giai đoạn 2023-2025	Sở Du lịch			
11	Hệ thống phần mềm quản lý các dự án đầu tư tỉnh Nghệ An	Sở Kế hoạch và Đầu tư			
12	Xây dựng các hệ thống nền tảng tích hợp, chia sẻ cấp tỉnh (LGSP) có khả năng kết nối với Trung ương (Trục kết nối liên thông, hệ thống quản lý danh mục dùng chung, định danh điện tử, hệ thống giám sát, CSDL dùng chung)	Sở TT&TT			
13	Nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm điều hành thông minh (IOC)	Trung tâm CNTT-TT (Sở TT&TT)			
14	Thuê Hệ thống thông tin phục vụ họp không giấy tờ	Văn phòng UBND tỉnh (Công TTĐT tỉnh)			
15	Xây dựng kế hoạch triển khai Đề án thí điểm xây dựng Đô thị thông minh tỉnh Nghệ An giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030	Sở TT&TT			
16	Triển khai Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước	Sở TT&TT			
17	Số hóa, xây dựng bản đồ số mạng viễn thông tỉnh Nghệ An	Sở TT&TT			

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị được giao chủ trì triển khai	Kết quả thực hiện từ tháng 8 năm 2022 đến nay	Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân	Đề xuất phương hướng khắc phục
18	Xây dựng phần mềm và bộ chỉ số đánh giá chỉ số chuyển đổi số của các sở, ban, ngành, địa phương (bao gồm cấp huyện và cấp xã) trên địa bàn tỉnh Nghệ An	Sở TT&TT			
II	Bảo đảm An toàn thông tin	Sở TT&TT			
1	Mua sắm, cài đặt hệ thống phòng chống virus, mã độc tập trung tỉnh Nghệ An	Sở TT&TT			
2	Xây dựng Trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC)	Sở TT&TT			
3	Đầu tư thiết bị đầu cuối kèm các giải pháp kỹ thuật phục vụ bảo mật cho lãnh đạo UBND tỉnh, các đơn vị cấp sở và UBND cấp huyện	Sở TT&TT			
4	Đầu tư trang thiết bị, kết nối mạng đồng bộ đạt chuẩn kỹ thuật trong các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, huyện, xã	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện			
5	Xây dựng các hệ thống kỹ thuật, hệ thống thông tin bảo đảm ATTT phục vụ phát triển Chính quyền điện tử; triển khai các hoạt động bảo đảm ATTT theo Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ.	Sở TT&TT			
6	Triển khai hệ thống giám sát, cảnh báo, đầu tư công cụ rà quét lỗ hổng, mã độc, hệ thống hỗ trợ điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng	Sở TT&TT			

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị được giao chủ trì triển khai	Kết quả thực hiện từ tháng 8 năm 2022 đến nay	Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân	Đề xuất phương hướng khắc phục
III	Phát triển nhân lực Chuyển đổi số				
1	Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Nghệ An	Sở TT&TT			
2	Đào tạo, tập huấn kiến thức về chuyển đổi số	Sở TT&TT			
3	Tăng cường công tác tuyên truyền về: chuyển đổi số, phát triển Chính quyền điện tử, Đô thị thông minh	Sở TT&TT			
4	Trang bị mới, nâng cấp cơ sở vật chất phòng học phục vụ đào tạo chuyển đổi số tại Trung tâm CNTT&TT Nghệ An	Trung tâm CNTT&TT (Sở TT&TT)			
5	Xây dựng và triển khai nền tảng học trực tuyến mở đại trà	Sở TT&TT			
IV	Chuyển đổi số các lĩnh vực				
1	Số hóa, xây dựng CSDL, HTTT dùng chung, HTTT chuyên ngành Kho Dữ liệu ngành - Giáo dục và Đào tạo	Sở Giáo Dục và Đào tạo			
2	Số hóa, xây dựng CSDL, HTTT dùng chung, HTTT chuyên ngành Kho Dữ liệu ngành - Y tế	Sở Y tế			
3	Số hóa, xây dựng CSDL, HTTT dùng chung, HTTT chuyên ngành Kho Dữ liệu ngành An sinh xã hội	Sở Lao động-TB&XH			
4	Xây dựng CSDL, HTTT dùng chung quản lý Công chứng Chứng thực	Sở Tư Pháp			
5	Số hóa, xây dựng CSDL, HTTT dùng chung chuyên ngành Văn hóa	Sở Văn hóa và Thể thao			
6	Số hóa, xây dựng CSDL, HTTT dùng chung ngành Nội vụ	Sở Nội vụ			

TT	Tên nhiệm vụ, dự án	Đơn vị được giao chủ trì triển khai	Kết quả thực hiện từ tháng 8 năm 2022 đến nay	Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân	Đề xuất phương hướng khắc phục
7	Số hóa, xây dựng CSDL, HTTT dùng chung chuyên ngành Nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và PTNT			
8	Số hóa, xây dựng CSDL, HTTT dùng chung chuyên ngành Công Thương	Sở Công Thương			
9	Số hóa, xây dựng CSDL, HTTT dùng chung, HTTT do bộ, ngành triển khai	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện			

Phụ lục 04: ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO CHO UBND CẤP XÃ
(Kèm theo Kế hoạch số: 403 /KH-UBND ngày 13 /6/2023 của UBND tỉnh)

Lưu ý: Các số liệu báo cáo tính từ tháng 8 năm 2022 đến nay

1. Đặc điểm tình hình tại địa phương

- Về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội: các đặc điểm về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, dân số, kinh tế, xã hội, tiềm năng lợi thế địa phương,...
- Về tình hình hiện trạng có liên quan đến triển khai chuyển đổi số trước khi triển khai Kế hoạch số 586/KH-UBND: về cơ sở vật chất hạ tầng (mạng LAN, máy tính, máy quét, mạng Internet, thông tin liên lạc, đài truyền thanh cơ sở,...); về triển khai ứng dụng các phần mềm; về trình độ ứng dụng CNTT của cán bộ UBND xã và người dân tại địa phương; ứng dụng CNTT và thanh toán không dùng tiền mặt tại trường học, trạm y tế, cộng đồng dân cư.

2. Công tác chỉ đạo tổ chức triển khai: các văn bản chỉ đạo, các cơ chế chính sách, phương pháp triển khai Kế hoạch số 586/KH-UBND tại địa phương.

3. Kết quả triển khai các nhiệm vụ tại địa phương

a) Về chính quyền số:

- Việc trang bị máy tính, thiết bị phụ trợ cần thiết tối thiểu và đảm bảo cấu hình, tốc độ để ứng dụng, hoạt động trong công việc.
- Kết quả sử dụng chữ ký số chuyên dùng của Ban cơ yếu Chính phủ.
- Triển khai hệ thống giải quyết thủ tục hành chính VNPT-IGate (về: tỷ lệ thủ tục hành chính được chuẩn hóa quy trình nội bộ; được xây dựng, cập nhật, cấu hình quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên hệ thống Một cửa điện tử của xã; tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp nộp trực tiếp được tiếp nhận, xử lý tại quầy của Bộ phận Một cửa của xã; tỷ lệ hồ sơ tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính được cập nhật đầy đủ thông tin; tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính/thủ tục hành chính liên thông được luân chuyển đúng quy trình điện tử đã được cấu hình trên hệ thống Một cửa điện tử của xã, của huyện, của tỉnh; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính tiếp nhận trực tuyến).
- Triển khai sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành VNPT-IOffice (tỷ lệ văn bản đến được xử lý đúng quy trình trên hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành; tỷ lệ văn bản đi được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số theo quy định và xử lý, luân chuyển hoàn toàn trên môi trường mạng (trừ văn bản mật theo quy định)).
- Việc triển khai kênh tương tác, giao tiếp giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp trên địa bàn xã (có/không triển khai kênh tương tác, giao tiếp giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp trên địa bàn xã qua các dịch vụ mạng xã hội như: Facebook, Zalo).
- Triển khai vận hành Trang thông tin điện tử xã: số liệu cập nhật thông tin trên Trang thông tin điện tử của xã.
- Tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức kỹ năng số cơ bản (tỷ lệ cán bộ, công chức tại xã được đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức kỹ năng số cơ bản; sử dụng thành thạo các nền tảng số, hệ thống thông tin, phần mềm đang ứng dụng tại xã).

b) Về kinh tế số:

- Tình hình triển khai thương mại điện tử ở các cơ sở kinh doanh, hộ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã.
- Tình hình ứng dụng các dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt của người dân trên địa bàn.

c) Về xã hội số:

- Kết quả triển khai phần mềm quản lý thông tin nhà trường, phần mềm quản lý thông tin y tế xã, phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử, phần mềm thống kê y tế điện tử, phần mềm quản lý tiêm chủng (tỷ lệ các trường trên địa bàn xã từ cấp tiểu học trở lên triển khai các nền tảng số phục vụ công tác quản lý, dạy và học phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; tỷ lệ người dân trên địa bàn xã biết và được tiếp cận với các dịch vụ y tế thông minh).

- Kết quả thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số cho người dân trên địa bàn (tỷ lệ người dân trên địa bàn xã được thông tin, tuyên truyền, nắm bắt được về chuyển đổi số; hưởng ứng, đồng thuận với các hoạt động chuyển đổi số tại xã).

- Tình hình, kết quả triển khai thành lập Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã và cấp thôn, bản (số lượng tổ công nghệ số được thành lập các cấp, hoạt động của tổ công nghệ số cộng đồng trong thời gian qua).

4. Đánh giá kết quả triển khai, kết quả đạt được và những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân: tập trung về kết quả công tác tổ chức, chỉ đạo, theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả triển khai tại địa phương trong thời gian qua.

5. Kiến nghị đề xuất: Đề nghị cụ thể các kiến nghị đề xuất tập trung vào các nội dung triển khai: chính quyền số, kinh tế số, xã hội số theo những đánh giá ở trên.

6. Đề xuất nhiệm vụ trong thời gian tới

Căn cứ nội dung, yêu cầu tại Kế hoạch số 586/KH-UBND, căn cứ kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong 01 năm qua và các tiêu chí liên quan đến chuyển đổi số thuộc Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, UBND cấp xã đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số trong thời gian tới phù hợp, hướng tới thực hiện thành công Kế hoạch chuyển đổi số đến năm 2025 và các nhiệm vụ, kế hoạch triển khai nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao của địa phương.